

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 482/2019/HS-PT
Ngày 29-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Văn Lê

2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 386/2019/HSPT ngày 16 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Trần Quốc D do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Đức T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2019/HSST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo:

Trần Quốc D; giới tính: nam; sinh ngày 18 tháng 9 năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A đường NHC, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: TVT và bà: NTD; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt, tạm giam từ ngày: 25/7/2019 (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo:

Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Thường trú: số A3 chung cư PTH, Phường B2, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở: số A4 đường BTX, Phường B3, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng:

1. Bà LNNP, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: số A1 đường PKB, Phường B1, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông LVV, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Trú tại: số A2 đường PKB, Phường B1, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 45 phút ngày 05/4/2018, ông Nguyễn Đức T điều khiển xe ô tô biển số 51LD - 089.XX đến Công ty TSM (địa chỉ: số A1 đường PKB, Phường B1, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh) để liên hệ công tác. Khi đến nơi, ông T dừng xe trước cửa công ty thì bị Trần Quốc D (là nhân viên bảo vệ) yêu cầu ông T điều khiển xe đi chỗ khác, ông T nói đến làm việc với Ban giám đốc công ty và nhờ D báo giùm. Bị cáo D vào công ty báo bà LNNP (nhân viên kế toán) biết và cùng bà P xuống gặp ông T giải quyết vấn đề đậu xe. Khi bà P xuống thì ông T ngồi trong xe hỏi bà P nơi đậu xe, bị cáo đứng ngoài nói xen vào dẫn đến cãi nhau với ông T. Khi ông T vừa bước xuống xe thì bị cáo D tiến tới nhặt một cục gạch dưới đất, cầm trên tay phải, lao vào đánh ông T, ông T giơ tay lên đỡ nên bị thương tích ở cẳng tay trái và cục gạch rơi xuống đất, rồi D và ông T lao vào đánh nhau bằng tay không nhưng được mọi người can ngăn nên D bỏ vào trong công ty. Do vẫn bức tức nên khoảng 05 phút sau, bị cáo lấy một con dao ở trong công ty, cầm trên tay phải chạy ra trước cửa công ty, D dùng dao chém trúng đầu và mu bàn tay trái ông T gây thương tích, ông T lao tới vật D xuống đất và giằng co để lấy con dao thì bị cắt trúng ngón trỏ và ngón giữa bàn tay phải, ông T bỏ chạy thì bị D cầm dao chém trúng lưng gây thương tích nên ông T cầm hai cục gạch để tự vệ và được mọi người can ngăn nên D không truy đuổi nữa mà bỏ vào trong công ty. Sau khi sự việc xảy ra, ông T được đưa đến Bệnh viện Nhân dân Gia Định cấp cứu và sau đó đến Công an phường Đa Kao, Quận 1 trình báo sự việc. Nhận được tin báo, Công an phường Đa Kao, Quận 1 đến đưa D về trụ sở lập hồ sơ rồi chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 xử lý theo quy định.

Ngày 06/4/2018, ông Nguyễn Đức T có Đơn yêu cầu xử lý hình sự gửi “cơ quan tiến hành tố tụng” với nội dung yêu cầu xử lý hình sự đối với Trần Quốc D (BL 68). Ngày 19/4/2018, ông T có Đơn đề nghị khởi tố vụ án và khởi tố bị can gửi “Công an Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh” và “Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh” với nội dung đề nghị “khởi tố vụ án cố ý giết người chưa đạt và khởi tố bị can Trần Quốc D theo đúng quy định của pháp luật” (BL 69).

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 332/TgT.18 ngày 11/5/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Nguyễn Đức T (BL 76-79) ghi nhận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Đa vết thương phần mềm, đã được điều trị, hiện còn:
- + Một sẹo kích thước 5x0,1cm tại vùng đỉnh thái dương trái.

Có tỉ lệ 02%.

Thương tích do vật tày, vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra.

- + Các vết tăng giảm sắc tố da tại:

- Vùng lưng phải kích thước 0,7x0,5cm.
- Tại ngón III bàn tay phải kích thước 0,5x0,3cm.

Có tỉ lệ 01% mỗi vết.

- Mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái kích thước 9x(1,1-2)cm.
- Mu bàn tay trái kích thước 3,1x0,1cm.
- Tại ngón II bàn tay phải kích thước 1,9x0,1cm và 1,3x0,1cm.

Có tỉ lệ 02% mỗi vết.

Các thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra.

Cộng lùi các tỉ lệ trên sẽ ra tỉ lệ 11,4%, làm tròn số sẽ là 11%.

2. Theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11%.

3. Kết luận khác:

Các thương tích không ảnh hưởng thẩm mỹ, không nguy hiểm đến tính mạng đương sự.

Ngày 21/9/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 1 có Công văn số 1595/CV-CAQ1-TTXXH (BL 80) gửi Trung tâm pháp y, nội dung: Nhận thấy nội dung Kết luận giám định pháp y về thương tích số 332/TgT.18 ngày 11/5/2018 có mâu thuẫn về số vết thương với tỉ lệ tổn thương trên cơ thể, mâu thuẫn về lời khai của bị hại và đối tượng về hung khí gây án với kết luận giám định, đề nghị Trung tâm giám định pháp y giải thích rõ hơn về nội dung kết luận giám định.

Ngày 03/10/2018, Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 332-GT/TgT.18 (BL 81), nội dung:

Theo bản Kết luận giám định pháp y trên:

- Trung tâm pháp y đã giám định đủ bảy vết thương với tỉ lệ của từng vết.
- Trong giám định, tỉ lệ tổn thương cơ thể được tính theo phương pháp cộng lùi, đã được quy định tại Điều 4 Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, không phải cộng thẳng như các bước thông thường.
- Trường hợp này chúng tôi đã nêu tỉ lệ cộng lùi và làm tròn số rất rõ trong bản kết luận là chính xác.
- Dựa vào hình thái của sẹo lúc giám định, chúng tôi nêu ra các dạng vật (hung khí) có thể tạo ra được các thương tích chứ không thể khẳng định chính xác là vật gì.
- Trường hợp này:
 - + Con dao như quý cơ quan cung cấp gây ra được thương tích tại vùng đỉnh thái dương trái như đã giám định.
 - + Cục gạch lót nền như cung cấp (là vật tày có cạnh) gây ra được thương tích tại cẳng tay trái như đã giám định.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 1954/2019/KLGĐTC ngày 03/6/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Y tế đối với bị cáo Trần Quốc D (BL 156-157) thể hiện:

1. Kết luận:

Căn cứ Tiêu chuẩn chẩn đoán của Tổ chức Y tế Thế giới về các rối loạn tâm thần và hành vi hiện hành (ICD-10), căn cứ Thông tư số 18/2015/TT-BYT ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy trình giám định pháp y tâm thần và biểu mẫu sử dụng trong giám định pháp y tâm thần.

1.1. Về y học:

Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi gây thương tích, Trần Quốc D là tâm thần bình thường/ Tiền sử ghi nhận có điều trị động kinh, đã ổn định (G40-ICD10).

1.2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi gây thương tích, bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Việc đánh giá năng lực trách nhiệm hình sự không thuộc thẩm quyền trả lời của Giám định viên.

2. Ý kiến khác: không.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2019/HSST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc D phạm “Tội Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, ghi nhận quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của bị hại, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 14/8/2019, ông Nguyễn Đức T có Đơn kháng cáo, đề nghị “áp dụng các tình tiết tăng nặng, bãi bỏ các tình tiết giảm nhẹ, tuyên bố vô hiệu đối với các tài liệu sai sự thật và trái pháp luật, hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố tội danh “Giết người (chưa đạt)” và áp dụng hình phạt bổ sung là “Cấm hành nghề bảo vệ” đối với bị cáo D theo các khoản 2, 4 Điều 123, Điều 15 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đồng thời làm rõ vai trò và xử lý nghiêm trách nhiệm của Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Phát Minh Vượng trong vụ án này. Xử lý nghiêm hành vi (tội) khai báo gian dối và sai sự thật của nhân chứng LVV. Triệu tập nhân chứng Thái Thành Chung tham gia tố tụng”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Quốc D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm ghi nhận. Đối với nội dung Đơn kháng cáo của bị hại, bị cáo đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngày 28/10/2019, bị hại Nguyễn Đức T có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, nhận định: Đơn kháng cáo của bị hại trong hạn luật định nên được xem xét. Bị hại có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Đơn kháng cáo của bị hại được công bố tại phiên tòa phúc thẩm và việc xét xử được tiến hành theo thủ tục chung là phù hợp quy định pháp luật tố tụng hình sự. Trong vụ án này, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai Bị cáo, bị hại, người làm chứng, người biết việc một cách khách quan và vụ án được đưa ra xét xử theo trình tự sơ thẩm, thể hiện bằng Biên bản phiên tòa là đúng theo Điều 15, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Cơ quan điều tra khi tiến hành điều tra, Tòa án cấp sơ thẩm khi thực hiện việc xét xử đã đảm bảo tính khách quan, vô tư theo Điều 19, Điều 23, Điều 25 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; việc bị cáo không phải là bảo vệ của Công ty TSM chỉ là về quản lý hành chính, không làm ảnh hưởng bản chất của vụ án; từ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa cho thấy bị cáo không cố ý tước đoạt tính mạng bị hại nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về “Tội Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng người đúng tội; mức án đã tuyên phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội... Từ đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 14 giờ 45 ngày 05/4/2018, tại Công ty TSM (địa chỉ: số A1 đường PKB, Phường B1, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Trần Quốc D đã có hành vi nhặt cục gạch lát đường lao vào đánh ông Nguyễn Đức T nhưng bị hại giơ tay lên đỡ nên bị thương tích ở cẳng tay phải, cục gạch rơi xuống đất. Sau khi được can ngăn khoảng 05 phút, bị cáo lấy 01 con dao (trong công ty) chạy ra trước cửa và dùng dao chém trúng đầu và mu bàn tay trái của bị hại gây thương tích, bị hại lao đến vật bị cáo xuống đất, trong quá trình giằng co thì bị hại bị cắt trúng ngón trỏ và ngón giữa bàn tay phải. Khi bị hại bỏ chạy thì bị cáo cầm dao chém trúng lưng gây thương tích, lúc này bị hại cầm 02 cục gạch trên tay thì được mọi người can ngăn. Qua giám định thì tỉ lệ tổn thương cơ thể của bị hại do thương tích gây nên hiện tại là 11%. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo Trần Quốc D về “Tội Cố ý gây thương tích”.

[2] Đơn kháng cáo của bị hại trong hạn luật định là hợp lệ.

Ngày 28/10/2019, ông Nguyễn Đức T có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét đây là quyền tự định đoạt của bị hại và không thuộc các trường hợp hoãn phiên tòa phúc thẩm quy định tại Điều 352 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Bên cạnh đó, để đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chủ tọa phiên tòa công bố Đơn kháng cáo ngày 14/8/2019 và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28/10/2019 của ông Nguyễn Đức T.

[3] Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu “tuyên bố vô hiệu đối với các tài liệu sai sự thật; triệu tập nhân chứng Thái Thành Chung tham gia tố tụng; xử lý nghiêm hành vi (tội) khai báo gian dối và sai sự thật của nhân chứng LVV”.

Điều 15 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về trách nhiệm xác định sự thật vụ án thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng và tại vụ án này, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội.

Điều 66 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về việc người làm chứng là người biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến làm chứng cũng như quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý của họ khi “khai báo gian dối hoặc từ chối khai báo, trốn tránh việc khai báo mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan”.

Trong Đơn kháng cáo, bị hại nhiều lần nhắc khái niệm sự thật vụ án, cho rằng các lời khai của người làm chứng LNNP, LVV là không chính xác và sai sự thật nhưng ngoài nhận định trên, bị hại không đưa ra được các căn cứ chứng minh cho quan điểm của bản thân.

Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại, thống nhất với nhận định tại Bản án hình sự sơ thẩm về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: các hành vi, quyết định tố tụng trên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bên cạnh đó, Điều 256 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 ghi nhận về việc mọi người phải tôn trọng Hội đồng xét xử, giữ trật tự cũng như tuân theo sự điều hành của chủ tọa phiên tòa; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cũng đã ban hành Quy chế tổ chức phiên tòa tại Thông tư số 02/2017/TT-TANDTC ngày 28/7/2017; theo diễn biến phiên tòa được ghi nhận tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm, chủ tọa phiên tòa đã điều hành phiên tòa phù hợp với các quy định pháp luật.

[3.2] Đối với yêu cầu “áp dụng các tình tiết tăng nặng, bãi bỏ các tình tiết giảm nhẹ; hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố tội danh “Giết người (chưa đạt)” và áp dụng hình phạt bổ sung là “Cấm hành nghề bảo vệ” đối với bị cáo D theo các khoản 2, 4 Điều 123, Điều 15 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017” của bị hại:

Bị cáo Trần Quốc D thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Quốc D xuất phát từ mâu thuẫn trong vấn đề đỗ xe, trước đó, giữa bị cáo và bị hại không quen biết nhau. Các vết thương do bị cáo gây ra cho bị hại đã được giám định thương tích, bên cạnh đó, cơ quan giám định cũng đã có văn bản giải thích về nội dung giám định. Kết luận giám định thể hiện không có vết thương có khả năng ảnh hưởng đến tính mạng bị hại. Kết luận giám định trên với các tài liệu như biên bản khám nghiệm hiện trường, các biên bản ghi lời khai... thể hiện ý thức chủ quan của bị cáo là tác động đến sức khỏe của bị hại, không phải muốn tước đoạt tính mạng bị hại.

Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm khi thực hiện các thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị can, truy tố và xét xử sơ thẩm đối với bị cáo Trần Quốc D về “Tội Cố ý gây thương tích” đã dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình vụ án; việc áp dụng hoặc không áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự được thể hiện rõ trong phần nhận định của bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bị hại.

Bên cạnh đó, Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định rõ thẩm quyền của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đối với bản án hình sự sơ thẩm, theo đó, không có nội dung nào quy định Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm được đồng thời thực hiện các quyền như: vừa hủy bản án sơ thẩm vừa trả hồ sơ để Viện kiểm sát nhân dân truy tố tội danh mới, song song đó vừa áp dụng và bãi bỏ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự lại đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung.

[3.3] Đối với yêu cầu “làm rõ vai trò và xử lý nghiêm trách nhiệm của Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Phát Minh Vượng trong vụ án này”

Trong vụ án này, bị cáo Trần Quốc D là chủ thể duy nhất thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại; không có sự can thiệp, xúi giục hay tiếp tay cho tội phạm hoành hành. Hồ sơ vụ án thể hiện Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Phát Minh Vượng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật. Mặt khác, Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 chỉ quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong một số tội danh cụ thể, không quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với “Tội Cố ý gây thương tích” mà Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử cũng như đối với “Tội Giết người” mà bị hại đề nghị xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị hại.

Như vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Đức T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc D phạm “Tội Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019.

Bị hại Nguyễn Đức T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 1; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (2)
- Trại giam; (1)
- Thi hành án Quận 1; (2)
- TAND Quận 1; (1)
- Công an Quận 1; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (27) (8).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Loan